

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020  
và kết thúc vào ngày 30/06/2020



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

---

## **MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 5
<b>2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	6 - 7
<b>3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 43



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu số 220300067 ngày 04 tháng 11 năm 2002, và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV theo Quyết định số 64/QĐ-NĐCP ngày 06 tháng 06 năm 2016 của Hội đồng quản trị.

Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về tên Công ty, ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 23 tháng 03 năm 2020 với mã số doanh nghiệp là 5700428470.

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của các cổ đông và số vốn thực góp của các cổ đông tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 như sau:

<b>Cổ đông</b>	<b>Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (theo vốn điều lệ)</b>	<b>Vốn thực góp tại ngày 30/06/2020 (VND)</b>
- Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP	96,7%	1.904.787.069.334
- Tổng Công ty XD Công nghiệp Việt Nam	0,46%	9.153.153.548
- Cộng đồng thể nhân	2,84%	55.866.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>1.969.806.222.882</b>

**2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

**Hội đồng quản trị:**

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Bùi Minh Tân	Chủ tịch	(i) Từ ngày 17/03/2020
- Ông Nguyễn Trung Thực	Chủ tịch	(i) Đến ngày 17/03/2020
- Ông Thân Thế Đăng	Ủy viên	(i) Đến ngày 17/03/2020
- Ông Trần Văn Hoan	Ủy viên	
- Ông Ngô Minh Thắng	Ủy viên	
- Bà Lưu Thị Minh Thanh	Ủy viên	

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

- (i) Theo Quyết định số 396/QĐ-ĐLTKV của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP ngày 11/03/2020:
- Ông Nguyễn Trung Thực được miễn nhiệm chủ tịch HĐQT Công ty từ ngày 17/3/2020;
  - Ông Bùi Minh Tân được bổ nhiệm chủ tịch HĐQT Công ty từ ngày 17/03/2020;
  - Ông Thân Thế Đăng được miễn nhiệm thành viên HĐQT Công ty từ ngày 17/03/2020.

**Ban Giám đốc:**

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Thân Thế Đăng	Giám đốc	(i) Đến ngày 17/03/2020
- Ông Nguyễn Trung Thực	Giám đốc	(ii) Từ ngày 17/03/2020
- Ông Vũ Đức Quảng	Phó giám đốc	
- Ông Trần Văn Hoan	Phó giám đốc	
- Ông Dương Hồng Hải	Phó giám đốc	
- Ông Vương Đình Đề	Phó giám đốc	

(i) Ông Thân Thế Đăng được miễn nhiệm Giám đốc Công ty theo Quyết định số 42/QĐ-CPC của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV ngày 13/03/2020.

(ii) Ông Nguyễn Trung Thực được bổ nhiệm Giám đốc Công ty theo quyết định số 55/QĐ-CPC của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV ngày 17/03/2020.

**Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Trần Thị Kim Chi	Trưởng ban
- Bà Đặng Thị Bảo Thái	Thành viên
- Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở chính tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5. Những sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính bắt đầu và kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Trung Thực**  
Giám đốc

Số: 26 /2020/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV được lập ngày 14/08/2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 được trình bày từ trang 8 đến trang 43 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV tại ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Đại diện Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Đỗ Thị Ánh Tuyết**

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số Đ.0079-2018-242-1



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>737.753.011.524</b>	<b>959.996.997.652</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>59.693.314.630</b>	<b>55.704.426.314</b>
Tiền	111	5.1	59.693.314.630	55.704.426.314
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>579.843.105.145</b>	<b>793.992.887.112</b>
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	563.468.406.147	776.428.796.396
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		928.897.948	72.660.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	15.595.442.193	17.639.364.675
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(554.673.960)	(552.966.776)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.4	405.032.817	405.032.817
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>88.574.523.731</b>	<b>85.312.294.545</b>
Hàng tồn kho	141		88.574.523.731	85.312.294.545
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.642.068.018</b>	<b>24.987.389.681</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	9.565.372.352	24.880.289.057
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	76.695.666	107.100.624
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.437.431.278.798</b>	<b>5.696.281.085.406</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.683.719.757.557</b>	<b>4.933.684.462.236</b>
TSCĐ hữu hình	221	5.8	4.683.602.581.165	4.933.463.555.988
- Nguyên giá	222		10.160.107.992.632	10.149.089.378.043
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.476.505.411.467)	(5.215.625.822.055)
TSCĐ vô hình	227	5.9	117.176.392	220.906.248
- Nguyên giá	228		736.107.762	736.107.762
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(618.931.370)	(515.201.514)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>40.282.256.896</b>	<b>51.496.430.602</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	40.282.256.896	51.496.430.602
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>713.429.264.345</b>	<b>711.100.192.568</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	676.512.896.112	673.761.370.425
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		36.916.368.233	37.338.822.143
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>6.175.184.290.322</b>	<b>6.656.278.083.058</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.341.704.045.826</b>	<b>5.759.394.991.324</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.500.836.328.540</b>	<b>3.823.961.886.579</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.501.260.867.234	1.483.247.012.579
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.582.827.820	38.701.500
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	10.793.574.535	7.909.900.264
Phải trả người lao động	314		1.818.892.370	10.477.016.219
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	410.229.632.719	474.266.567.137
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.588.604.434	5.491.510.052
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	1.572.870.347.827	1.842.015.667.227
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		691.581.601	515.511.601
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.840.867.717.286</b>	<b>1.935.433.104.745</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	1.840.867.717.286	1.935.433.104.745
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>833.480.244.496</b>	<b>896.883.091.734</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>833.480.244.496</b>	<b>896.883.091.734</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.136.325.978.386)	(1.072.923.131.148)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.072.923.131.148)	(1.075.394.351.585)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(63.402.847.238)	2.471.220.437
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>6.175.184.290.322</b>	<b>6.656.278.083.058</b>

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Nhữ Thị Thu



Lưu Thị Minh Thanh



Nguyễn Trung Thực

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.080.035.433.616	2.207.638.143.525
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		2.080.035.433.616	2.207.638.143.525
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.955.942.829.474	1.994.265.202.113
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		124.092.604.142	213.372.941.412
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	113.446.930	697.009.544
Chi phí tài chính	22	6.4	168.773.054.107	166.866.867.918
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		149.319.625.044	160.097.435.213
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	18.500.087.345	16.809.358.228
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(63.067.090.380)	30.393.724.810
Thu nhập khác	31	6.5	333.051.698	5.472.302.168
Chi phí khác	32	6.6	668.808.556	554.933.358
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(335.756.858)	4.917.368.810
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(63.402.847.238)	35.311.093.620
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(63.402.847.238)	35.311.093.620
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(322)	179

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

GIÁM ĐỐC



Nhat Thi Thu



Luu Thi Minh Thanh



Nguyễn Trung Thục

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế		01	(63.402.847.238)	35.311.093.620
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		02	260.983.319.268	265.178.728.737
Các khoản dự phòng		03	1.707.184	7.140.494
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		04	1.309.861.364	5.914.889.520
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư		05	(113.446.930)	(678.459.884)
Chi phí lãi vay		06	149.319.625.044	160.097.435.213
Các khoản điều chỉnh khác		07	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>08</b>	<b>348.098.218.692</b>	<b>465.830.827.700</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		09	214.178.479.741	(31.060.516.310)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		10	(2.839.775.276)	(41.291.442.803)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)		11	22.520.901.877	477.835.979.342
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		12	12.563.391.018	33.412.842.576
Tiền lãi vay đã trả		14	(219.210.345.559)	(130.362.267.077)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16	4.651.000.000	4.302.900.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		17	(4.970.130.000)	(4.226.700.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>20</b>	<b>374.991.740.493</b>	<b>774.441.623.428</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác		21	(6.633.226.106)	(3.245.240.315)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27	113.446.930	732.417.542
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>30</b>	<b>(6.519.779.176)</b>	<b>(2.512.822.773)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	7.1	33	1.642.000.000.000	1.062.333.377.236
Tiền trả nợ gốc vay	7.1	34	(2.006.483.079.923)	(1.862.961.514.658)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>40</b>	<b>(364.483.079.923)</b>	<b>(800.628.137.422)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>		<b>50</b>	<b>3.988.881.394</b>	<b>(28.699.336.767)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		60	55.704.426.314	60.721.687.330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61	6.922	36.691
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>70</b>	<b>59.693.314.630</b>	<b>32.022.387.254</b>

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC






Nhữ Thị Thu

Lưu Thị Minh Thanh

Nguyễn Trung Thực

## TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

### CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu số 220300067 ngày 04 tháng 11 năm 2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 23 tháng 03 năm 2020 với mã số doanh nghiệp là 5700428470.

Theo Quyết định số 64/QĐ-NĐCP ngày 06 tháng 06 năm 2016 của Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được đổi tên thành Công ty ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24 tháng 06 năm 2016.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả và bán điện cho hệ thống Quốc gia.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 30/06/2020, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 468 người, trong đó số cán bộ quản lý là 6 người.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

### 3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

### CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty.

#### 4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ("Tập đoàn") được thực hiện theo Công văn số 3418/TKV-KTTC ngày 01/07/2020 của Tập đoàn cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 23.090 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.300 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.300 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Theo hướng dẫn tại Văn bản số 7240/VPCP-KTTH ngày 12/7/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý chênh lệch tỷ giá của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV thì "Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ lũy kế đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV được phân bổ vào chi phí ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của khoản nợ đến hạn trả, số còn lại được theo dõi và phân bổ không quá 5 năm".

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

**4.4 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, CCDC, hàng hoá      Nhập trước xuất trước

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT - BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

**4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.6.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- |                            |             |
|----------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc:  | 10 - 40 năm |
| - Máy móc, trang thiết bị: | 10 - 20 năm |
| - Phương tiện vận tải:     | 10 năm      |
| - Thiết bị văn phòng:      | 05 - 08 năm |
| - Tài sản cố định khác:    | 04 năm      |

**4.6.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- |                                 |        |
|---------------------------------|--------|
| - Phần mềm:                     | 03 năm |
| - Tài sản cố định vô hình khác: | 03 năm |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.8 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

**4.10 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Chi phí phải trả của Công ty chủ yếu là tiền lãi vay phải trả.

640-C  
TY  
M HỮU H  
P  
NAM  
N-T.P

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**4.11 Dự phòng phải trả**

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ tài chính này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ tài chính trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ tài chính đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ tài chính này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ tài chính trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ tài chính đó.

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần 7 ngày 23 tháng 03 năm 2020 là 2.179.900.000.000 đồng.

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của các cổ đông và số vốn thực góp của các cổ đông tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 như sau:

<b>Cổ đông</b>	<b>Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (theo vốn điều lệ)</b>	<b>Vốn thực góp tại ngày 30/06/2020 (VND)</b>
- Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP	96,7%	1.904.787.069.334
- Tổng Công ty XD Công nghiệp Việt Nam	0,46%	9.153.153.548
- Cộng đồng thể nhân	2,84%	55.866.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>1.969.806.222.882</b>

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**4.13 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa vào sản lượng điện trên biên bản chốt chỉ số công tơ điện và giá điện được tính toán kết hợp dựa theo hợp đồng số 06/2012/HĐ-NMD - CP ngày 21 tháng 06 năm 2012 (Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2) và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 05 ngày 02 tháng 04 năm 2020 ký giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV và giá của thị trường phát điện cạnh tranh.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4.14 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

**4.15 Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm điện và các dịch vụ khác của Công ty là 10%.

***Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):***

Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư: Công ty được áp dụng mức thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động, được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Tuy nhiên theo quy định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC – Điều 23 “*Trường hợp mức ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm cả thuế suất ưu đãi và thời gian miễn thuế, giảm thuế thấp hơn mức ưu đãi theo quy định của Thông tư này thì được áp dụng ưu đãi thuế theo quy định của Thông tư này cho thời gian còn lại tính từ kỳ tính thuế năm 2009.*”: Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm, miễn tiếp 02 năm từ năm 2012, giảm 50% thuế suất trong vòng 9 năm từ năm 2014.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, Công ty áp dụng mức thuế suất 5%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.16 Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả chính của Công ty mẹ bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuê tài chính và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền**

		<u>30/06/2020</u> (VND)	<u>01/01/2020</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	44.917.715	30.632.430
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	59.648.396.915	55.673.793.884
Tiền đang chuyển		-	-
<b>Cộng</b>		<b><u>59.693.314.630</u></b>	<b><u>55.704.426.314</u></b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2020 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		44.917.715
<b>Cộng</b>		<b><u>44.917.715</u></b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2020 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
<b>Đồng Việt Nam</b>		<b>59.637.727.949</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Ninh		455.995.966
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả		45.839.218.951
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả		488.020.387
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cẩm Phả		98.330.717
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh		12.756.161.928
<b>Ngoại tệ (USD)</b>		<b>10.668.966</b>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cẩm Phả	4,05 #	93.515
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh	458,01 #	10.575.451
<b>Cộng</b>		<b><u>59.648.396.915</u></b>

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.2 Phải thu khách hàng**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>563.468.406.147</b>	<b>776.428.796.396</b>
Công ty Mua bán điện	561.315.568.278	774.671.112.510
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.152.837.869	1.757.683.886
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>563.468.406.147</b>	<b>776.428.796.396</b>
<b>c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan chi tiết tại phụ biểu 01</b>		

**5.3 Phải thu khác**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>15.595.442.193</b>	-	<b>17.639.364.675</b>	-
Phí bảo hiểm cháy nổ	9.716.431.875	-	9.716.431.875	-
Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP	5.561.417.399	-	7.071.549.788	-
Tạm ứng	100.800.000	-	-	-
Phải thu khác	216.792.919	-	851.383.012	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.595.442.193</b>	-	<b>17.639.364.675</b>	-

**5.4 Tài sản thiếu chờ xử lý**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Tiền (*)	211.217.400	211.217.400
Hàng tồn kho (**)	193.815.417	193.815.417
<b>Cộng</b>	<b>405.032.817</b>	<b>405.032.817</b>

(\*) Đây là khoản tiền bị mất trộm của Công ty (theo Báo cáo số 2665/BC-CPC ngày 11/12/2017 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả về số tiền thực tế mất trộm với Công an Thành phố Cẩm Phả).

(\*\*) Đây là vật tư Công ty bị mất chưa tìm được nguyên nhân theo biên bản kiểm kê của Công ty, hiện tại đang chờ kết quả của cơ quan điều tra.

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.5 Nợ xấu**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	558.941.919	4.267.959	558.941.919	5.975.143
- Từ 3 năm trở lên	550.406.000	-	550.406.000	-
<i>Trung tâm nghiên cứu, Thiết     kế và ứng dụng CN mới</i>	72.660.000	-	72.660.000	-
<i>Công ty TNHH Dịch vụ và     Thương mại Á Châu</i>	459.574.000	-	459.574.000	-
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất và     Thương mại Nhất Thành Phát</i>	18.172.000	-	18.172.000	-
- Từ 2 đến 3 năm	8.535.919	4.267.959	-	-
<i>Người lao động đã nghỉ việc     tại đơn vị</i>	8.535.919	4.267.959	-	-
- Từ 1 đến 2 năm	-	-	8.535.919	5.975.143
<i>Người lao động đã nghỉ việc     tại đơn vị</i>	-	-	8.535.919	5.975.143
Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	-	-	-	-

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	80.120.391.100	-	83.663.333.563	-
Công cụ, dụng cụ	55.486.100	-	65.546.800	-
Chi phí Sửa chữa gia công dở dang	8.398.646.531	-	1.583.414.182	-
<b>Cộng</b>	<b>88.574.523.731</b>	<b>-</b>	<b>85.312.294.545</b>	<b>-</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>30/06/2020</u> (VND)	<u>01/01/2020</u> (VND)
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	33.160.109.166	27.266.795.680
<i>Nâng cấp hệ thống điều khiển tự động NMNĐCP</i>	17.479.614.067	17.459.614.687
<i>Hệ thống đo đếm dự phòng 2 nhà máy NĐCP</i>	622.532.736	622.532.736
<i>Hệ thống giám sát độ rung các thiết bị chính - NMNĐ Cẩm Phả</i>	-	7.644.648.023
<i>ĐT các TB hệ thống PT mẫu hơi nước TD tổ máy S1</i>	12.358.279.720	352.000
<i>Dự án khác</i>	2.699.682.643	1.539.648.234
- Sửa chữa	7.122.147.730	24.229.634.922
<i>Hệ thống phân tích mẫu hơi nước tự động CP1, CP2</i>	1.554.934.849	1.729.289.394
<i>Hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò 3</i>	-	11.534.668.536
<i>Hệ thống nước cấp tổ máy 1 (Bơm cấp 1A)</i>	-	4.753.713.281
<i>Hệ thống điện một chiều tổ máy 1 (Hệ thống DC 1A và 1B)</i>	-	1.308.202.982
<i>Lò hơi số 1</i>	2.602.139.891	2.440.176.910
<i>Bơm cấp 1C</i>	1.712.333.980	(295.990)
<i>Dự án khác</i>	1.252.739.010	2.463.879.809
<b>Cộng</b>	<b><u>40.282.256.896</u></b>	<b><u>51.496.430.602</u></b>



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTPC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	1.931.380.000.672	8.157.868.396.663	53.935.836.667	2.256.517.271	3.648.626.770	10.149.089.378.043
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	9.663.627.873	-	-	-	9.663.627.873
- Tăng khác	318.304.889	(8.675.970.651)	8.949.101.313	180.408.520	583.142.645	1.354.986.716
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.931.698.305.561</b>	<b>8.158.856.053.885</b>	<b>62.884.937.980</b>	<b>2.436.925.791</b>	<b>4.231.769.415</b>	<b>10.160.107.992.632</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư đầu kỳ	528.867.526.213	4.635.846.307.557	45.131.224.757	2.132.136.758	3.648.626.770	5.215.625.822.055
- Khấu hao trong kỳ	26.558.543.529	227.166.584.298	6.347.006.986	224.311.954	583.142.645	260.879.589.412
- Hao mòn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>555.426.069.742</b>	<b>4.863.012.891.855</b>	<b>51.478.231.743</b>	<b>2.356.448.712</b>	<b>4.231.769.415</b>	<b>5.476.505.411.467</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu kỳ	1.402.512.474.459	3.522.022.089.106	8.804.611.910	124.380.513	-	4.933.463.555.988
Tại ngày cuối kỳ	1.376.272.235.819	3.295.843.162.030	11.406.706.237	80.477.079	-	4.683.602.581.165

- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình đã tăng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết, đang sử dụng:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý:

4.674.122.380.400  
21.088.451.576

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.9 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	591.263.000	144.844.762	736.107.762
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>591.263.000</b>	<b>144.844.762</b>	<b>736.107.762</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư đầu kỳ	465.362.451	49.839.063	515.201.514
- Khấu hao trong kỳ	78.967.113	24.762.743	103.729.856
- Tăng khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>544.329.564</b>	<b>74.601.806</b>	<b>618.931.370</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	125.900.549	95.005.699	220.906.248
Tại ngày cuối kỳ	46.933.436	70.242.956	117.176.392

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết đang sử dụng: 168.000.000

**5.10 Chi phí trả trước**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>9.565.372.352</b>	<b>24.880.289.057</b>
Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	6.185.765.362	11.390.090.589
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	877.006.990	12.414.998.468
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.502.600.000	1.075.200.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>676.512.896.112</b>	<b>673.761.370.425</b>
Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	16.447.206.697	18.137.795.749
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	73.569.240.104	68.705.047.439
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.600.649.339	5.022.727.265
Lỗi chênh lệch tỷ giá phân bổ 5 năm (*)	581.895.799.972	581.895.799.972
<b>Cộng</b>	<b>686.078.268.464</b>	<b>698.641.659.482</b>

(\*) Khoản lỗ do đánh giá lại khoản nợ có gốc ngoại tệ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (chênh lệch tỷ giá ngày 31 tháng 12 năm 2016 so với tỷ giá gốc nhận nợ gốc vay và nợ phải trả nhà thầu) của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV được phân bổ vào chi phí trong thời gian không quá 05 năm kể từ năm 2017 theo đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 3383/BTC-TCDN ngày 14/3/2017 và được Chính phủ phê duyệt tại công văn số 2965/VPCP-KTTH ngày 28/3/2017 và công văn số 7240/VPCP-KTTH ngày 12/07/2017.



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)****c. Phân loại vay dài hạn đến hạn trả**

	01/01/2020 (VND)		30/06/2020 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Tổng Công ty Điện lực - TKV	160.670.347.827	160.670.347.827	241.070.347.827	241.070.347.827
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả	67.350.000.000	67.350.000.000	78.800.000.000	78.800.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Trái phiếu)	560.000.000.000	560.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>788.020.347.827</b>	<b>788.020.347.827</b>	<b>569.870.347.827</b>	<b>569.870.347.827</b>
<b>d. Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính</b>				
d1 Vay ngắn hạn (d1 = a+c)	1.842.015.667.227	1.842.015.667.227	1.572.870.347.827	1.572.870.347.827
d2 Vay dài hạn (d2 = b-c)	1.935.433.104.745	1.935.433.104.745	1.840.867.717.286	1.840.867.717.286
<b>Cộng</b>	<b>3.777.448.771.972</b>	<b>3.777.448.771.972</b>	<b>3.413.738.065.113</b>	<b>3.413.738.065.113</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**(\*) Trái phiếu phát hành**

	30/06/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)		
	Giá trị	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất năm	Kỳ hạn
- Mệnh giá	250.000.000.000	9%	5 năm	560.000.000.000	9,75%	5 năm
- Chiết khấu	-	-	-	-	-	-
- Phụ trội	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>250.000.000.000</b>			<b>560.000.000.000</b>		

Số dư trái phiếu phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2020:

## - Phát hành lần 2:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 560.000.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi tỷ đồng) đảm bảo thanh toán bằng tài sản, phát hành ngày 29 tháng 12 năm 2015 và đáo hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2020; Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 1% tổng mệnh giá trái phiếu, tương đương với 5.376.000.000 đồng (năm tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng) được phân bổ dần trong 05 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Trái phiếu phát hành lần này được bán cho Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (500 trái phiếu) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (60 trái phiếu).

Trái chủ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 29 tháng 12 năm 2015 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 29 tháng 12 năm 2020 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 29/6 và ngày 29/12 hàng năm, với mức lãi suất áp dụng như sau:

- Lãi suất năm đầu tiên của trái phiếu là 8%/ năm;
- Lãi suất các kỳ sau bằng tổng của 2,5%/ năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho cá nhân được công bố tại các trang web của 04 ngân hàng lớn của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam, Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.12 Phải trả người bán**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.501.260.867.234</b>	<b>1.501.260.867.234</b>	<b>1.483.247.012.579</b>	<b>1.483.247.012.579</b>
Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP	1.367.571.678.620	1.367.571.678.620	1.358.601.959.718	1.358.601.959.718
Phải trả cho các đối tượng khác	133.689.188.614	133.689.188.614	124.645.052.861	124.645.052.861
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.501.260.867.234</b>	<b>1.501.260.867.234</b>	<b>1.483.247.012.579</b>	<b>1.483.247.012.579</b>
<b>c. Phải trả các bên liên quan chi tiết ở phụ biểu 01</b>				

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.13 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2020 (VND)
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	7.413.710.590	44.090.125.767	40.710.261.822	10.793.574.535
Thuế nhà đất	-	1.038.466.937	1.038.466.937	-
Các loại thuế khác	496.189.674	224.615.934	720.805.608	-
<b>Cộng</b>	<b>7.909.900.264</b>	<b>45.353.208.638</b>	<b>42.469.534.367</b>	<b>10.793.574.535</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	107.100.624	382.067.527	351.662.569	76.695.666
<b>Cộng</b>	<b>107.100.624</b>	<b>382.067.527</b>	<b>351.662.569</b>	<b>76.695.666</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.14 Chi phí phải trả**

	<u>30/06/2020</u> (VND)	<u>01/01/2020</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>410.229.632.719</b>	<b>474.266.567.137</b>
Chi phí lãi vay	331.485.773.564	401.315.018.669
Chi phí điện mua của EVN	2.122.456.460	449.014.620
Lãi chậm trả tiền than	62.481.441.426	55.282.826.150
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	12.685.126.591	16.429.379.789
Các khoản chi phí phải trả khác	1.454.834.678	790.327.909
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>410.229.632.719</u></b>	<b><u>474.266.567.137</u></b>

**5.15 Phải trả khác**

	<u>30/06/2020</u> (VND)	<u>01/01/2020</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.588.604.434</b>	<b>5.491.510.052</b>
Quỹ hỗ trợ người lao động đóng	552.521.333	421.370.680
Quỹ hỗ trợ xã hội hóa	168.521.463	201.521.463
Đảm bảo thực hiện hợp đồng	510.930.000	307.930.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	356.631.638	4.560.687.909
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.588.604.434</u></b>	<b><u>5.491.510.052</u></b>



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.16 Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ SH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.969.806.222.882</b>	-	-	<b>(1.075.394.351.585)</b>	<b>894.411.871.297</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	2.471.220.437	2.471.220.437
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này</b>	<b>1.969.806.222.882</b>	-	-	<b>(1.072.923.131.148)</b>	<b>896.883.091.734</b>
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(63.402.847.238)	(63.402.847.238)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.969.806.222.882</b>	-	-	<b>(1.136.325.978.386)</b>	<b>833.480.244.496</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>30/06/2020</u> (VND)	<u>01/01/2020</u> (VND)
Vốn góp của Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP	1.904.787.069.334	1.757.179.069.334
Vốn góp của đối tượng khác	65.019.153.548	212.627.153.548
<b>Cộng</b>	<b><u>1.969.806.222.882</u></b>	<b><u>1.969.806.222.882</u></b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2020</u> <u>đến 30/06/2020</u> (VND)	<u>Từ 01/01/2019</u> <u>đến 30/06/2019</u> (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**Cổ phiếu**

	<u>Từ 01/01/2020</u> <u>đến 30/06/2020</u> (VND)	<u>Từ 01/01/2019</u> <u>đến 30/06/2019</u> (VND)
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>196.980.622</b>	<b>196.980.622</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>196.980.622</b>	<b>196.980.622</b>
Cổ phiếu phổ thông	196.980.622	196.980.622
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>196.980.622</b>	<b>196.980.622</b>
Cổ phiếu phổ thông	196.980.622	196.980.622
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

**5.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Ngoại tệ		
+ USD	462,06	468,66

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán điện	2.078.492.893.546	2.206.255.276.458
Doanh thu khác	1.542.540.070	1.382.867.067
<b>Cộng</b>	<b>2.080.035.433.616</b>	<b>2.207.638.143.525</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.955.932.997.204	1.994.257.074.963
Giá vốn khác	9.832.270	8.127.150
<b>Cộng</b>	<b>1.955.942.829.474</b>	<b>1.994.265.202.113</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Lãi tiền gửi	113.446.930	678.459.884
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	18.549.660
<b>Cộng</b>	<b>113.446.930</b>	<b>697.009.544</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Chi phí lãi vay	149.319.625.044	160.097.435.213
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.309.861.364	5.950.904.120
Lãi chậm trả tiền than	12.730.365.276	1.707.803
Chi phí tài chính khác	5.413.202.423	816.820.782
<b>Cộng</b>	<b>168.773.054.107</b>	<b>166.866.867.918</b>



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**6.5 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Thu từ bồi thường thiệt hại tài sản	-	5.425.116.839
Các khoản khác	333.051.698	47.185.329
<b>Cộng</b>	<b>333.051.698</b>	<b>5.472.302.168</b>

**6.6 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Các khoản chi phí khác	668.808.556	554.933.358
<b>Cộng</b>	<b>668.808.556</b>	<b>554.933.358</b>

**6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>18.500.087.345</b>	<b>16.809.358.228</b>
Chi phí nhân viên	6.533.697.522	6.466.167.301
Các khoản khác	11.966.389.823	10.343.190.927
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>18.500.087.345</b>	<b>16.809.358.228</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.605.346.193.799	1.637.557.723.515
Chi phí nhân công	35.303.371.528	38.778.609.056
Chi phí khấu hao TSCĐ	260.314.510.712	264.632.630.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.872.999.835	54.376.310.092
Chi phí khác bằng tiền	7.596.008.675	15.721.160.496
<b>Cộng</b>	<b>1.974.433.084.549</b>	<b>2.011.066.433.191</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(63.402.847.238)	35.311.093.620
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Tổng thu nhập chịu thuế	(63.402.847.238)	35.311.093.620
Chuyển lỗ năm trước	(1.072.923.131.148)	(1.075.394.351.585)
Thu nhập tính thuế	(1.136.325.978.386)	(1.040.083.257.965)
Thuế suất thuế TNDN	5%	5%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(63.402.847.238)	35.311.093.620
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	196.980.622	196.980.622
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(322)</b>	<b>179</b>

**6.11 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu*

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP****CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

## (iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 30/06/2020</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.693.314.630	-	59.693.314.630
Phải thu khách hàng	563.468.406.147	-	563.468.406.147
Phải thu khác	15.595.442.193	-	15.595.442.193
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(554.673.960)	-	(554.673.960)
<b>Tổng cộng</b>	<b>638.202.489.010</b>	<b>-</b>	<b>638.202.489.010</b>
<b>Ngày 30/06/2020</b>			
Các khoản vay và nợ	1.572.870.347.827	1.840.867.717.286	3.413.738.065.113
Phải trả người bán	1.501.260.867.234	-	1.501.260.867.234
Phải trả khác và chi phí phải trả	411.818.237.153	-	411.818.237.153
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.485.949.452.214</b>	<b>1.840.867.717.286</b>	<b>5.326.817.169.500</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(2.847.746.963.204)</b>	<b>(1.840.867.717.286)</b>	<b>(4.688.614.680.490)</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**Ngày 01/01/2020**

**Giá trị ghi sổ:**

Tiền và các khoản tương đương tiền 55.704.426.314 - 55.704.426.314

Phải thu khách hàng 776.428.796.396 - 776.428.796.396

Phải thu khác 17.639.364.675 - 17.639.364.675

**Trừ:**

Dự phòng phải thu khó đòi (552.966.776) - (552.966.776)

**Tổng cộng 849.772.587.385 - 849.772.587.385**

**Ngày 01/01/2020**

Các khoản vay và nợ 1.842.015.667.227 1.935.433.104.745 3.777.448.771.972

Phải trả người bán 1.483.247.012.579 - 1.483.247.012.579

Phải trả khác và chi phí phải trả 490.235.093.408 - 490.235.093.408

**Tổng cộng 3.815.497.773.214 1.935.433.104.745 5.750.930.877.959**

**Chênh lệch thanh khoản thuần (2.965.725.185.829) (1.935.433.104.745) (4.901.158.290.574)**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<b>Giá trị ghi sổ</b>		<b>Giá trị hợp lý</b>	
	<b>30/06/2020</b>	<b>01/01/2020</b>	<b>30/06/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	579.063.848.340	794.068.161.071	578.509.174.380	793.515.194.295
<i>Phải thu khách hàng</i>	563.468.406.147	776.428.796.396	562.918.000.147	776.428.796.396
<i>Các khoản PT khác</i>	15.595.442.193	17.639.364.675	15.591.174.233	17.639.364.675
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	59.693.314.630	55.704.426.314	59.693.314.630	55.704.426.314
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	59.693.314.630	55.704.426.314	59.693.314.630	55.704.426.314
<b>Tổng cộng</b>	<b>638.757.162.970</b>	<b>849.772.587.385</b>	<b>638.202.489.010</b>	<b>849.772.587.385</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	3.413.738.065.113	3.777.448.771.972	3.413.738.065.113	3.777.448.771.972
<i>Phải trả người bán</i>	1.501.260.867.234	1.483.247.012.579	1.501.260.867.234	1.483.247.012.579
<i>Phải trả khác</i>	411.818.237.153	490.235.093.408	411.818.237.153	490.235.093.408
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.326.817.169.500</b>	<b>5.750.930.877.959</b>	<b>5.326.817.169.500</b>	<b>5.750.930.877.959</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01/01/2020 và ngày 30/06/2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.



## TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

### CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

### 6.12 Báo cáo bộ phận

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chính là phát điện cho hệ thống điện Quốc gia (bán toàn bộ điện cho Công ty mua bán điện). Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, tổng doanh thu của Công ty phát sinh hoàn toàn tại Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

## 7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 7.1 Số tiền thực thu, thực trả trong năm

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.642.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.006.483.079.923

### 7.2 Thông tin về các bên có liên quan

#### Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định tài chính và kinh doanh. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP; các đơn vị trong nội bộ Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP; Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Số dư tại ngày 30/06/2020 và giao dịch với các bên liên quan trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Biểu số 01: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn;
- Biểu số 02: Tổng hợp mua, bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan.

Thu nhập trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của các thành viên của Hội đồng Quản Trị và Ban Giám đốc:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
- Lương, thưởng, phụ cấp khác của Ban Giám đốc, kế toán trưởng	716.350.000	956.183.804
- Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	134.760.000	161.408.000
- Thù lao và thưởng của Ban kiểm soát	74.280.000	155.338.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>925.390.000</b>	<b>1.272.929.804</b>

### 7.3 Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**7.4 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**NGƯỜI LẬP BIỂU**



**Nhữ Thị Thu**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**Lưu Thị Minh Thanh**

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Trung Thực**

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
 Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Stt	Tên đơn vị	Các khoản công nợ														
		131			331			138			335			341		
		Ngắn hạn 1	Dài hạn 2	Dài hạn 3	Ngắn hạn 4	Dài hạn 5	Dài hạn 6	Ngắn hạn 7	Dài hạn 8	Dài hạn 9	Dài hạn 10	Ngắn hạn 5	Dài hạn 6	Ngắn hạn 7	Dài hạn 8	
A	<b>CÁC KHOẢN PHẢI THU</b>	1.544.126.320	-	134.806.358	-	5.561.417.399	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin	-	-	134.806.358	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Công ty CP Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin	1.544.126.320	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Tổng Công ty Điện lực - TKV - CTCP	-	-	-	-	5.561.417.399	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	<b>CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ</b>	-	-	1.400.133.981.728	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Công ty CP tin học, công nghệ, môi trường - Vinacomin	-	-	81.743.522	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	CN Công ty CP Vật tư - TKV - XN vận tải, xếp dỡ	-	-	720.544.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Tổng Công ty Điện lực - TKV - CTCP	-	-	1.367.571.678.620	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Công ty CP Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	-	-	4.952.750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin	-	-	995.790.301	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	-	-	2.893.990	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Công ty CP Vật tư -TKV-Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả	-	-	29.922.626.065	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh	-	-	787.376.480	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	-	-	46.376.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	1.544.126.320	-	1.400.268.788.086	-	5.561.417.399	-	394.571.039.427	-	944.070.347.827	-	944.070.347.827	-	1.671.430.717.286	-	1.671.430.717.286

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

GIÁM ĐỐC



*(Handwritten signature)*

Nhữ Thị Thu

Lưu Thị Minh Thanh

*(Handwritten signature)*

Nguyễn Trung Thực



**TỔNG HỢP MUA, BÁN VẬT TƯ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**  
 Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong kỳ	Giá trị bán trong kỳ
A	B	1	2
1	<b>Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP</b>	<b>1.496.508.349.494</b>	-
	Mua than	1.496.508.349.494	-
2	<b>Công ty CP Công nghiệp ô tô - Vinacomin</b>	<b>916.008.558</b>	-
	Dịch vụ sửa chữa	916.008.558	-
3	<b>Công ty CP Vật tư - TKV - XN Vật tư Cẩm Phả</b>	<b>36.476.838.593</b>	-
	Mua nhiên liệu	35.967.279.193	-
	Mua vật tư	509.559.400	-
4	<b>Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin</b>	<b>76.160.000</b>	-
	Dịch vụ	76.160.000	-
5	<b>Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV</b>	<b>132.362.520</b>	-
	Dịch vụ xử lý chất thải nguy hại	132.362.520	-
6	<b>Công ty CP tin học, công nghệ, môi trường - Vinacomin</b>	<b>74.312.293</b>	-
	Dịch vụ	74.312.293	-
7	<b>Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV</b>	<b>43.200.000</b>	-
	Dịch vụ thuê thiết bị	43.200.000	-
8	<b>CN công ty CP vật tư - TKV - Xí nghiệp vận tải, xếp dỡ</b>	<b>375.040.000</b>	-
	Mua vật tư	375.040.000	-
9	<b>Trường Quản trị Kinh doanh</b>	<b>19.261.000</b>	-
	Dịch vụ đào tạo	19.261.000	-
10	<b>Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh</b>	<b>2.529.876.800</b>	-
	Mua vật tư	2.529.876.800	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.537.151.409.258</b>	-

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Nhat Thi Thu



Luu Thi Minh Thanh




Nguyen Trung Thuc